VIETNAM DAILY REVIEW

Rủi ro điều chỉnh vẫn còn, VN-Index có thể lùi xuống kiểm tra ngưỡng quanh 1,650 điểm

Thứ Sáu, Ngày 20 Tháng 11 Năm 2026 · BSC Research

VN-INDEX	VN30	HNX-INDEX	UPCOM-INDEX
1,688.79	1,786.84	234.59	119.14
▼ -0.83 (-0.05%)	▼ -1.67 (-0.09%)	▼ -4.35 (-1.82%)	▼ -1.22 (-1.01%)
GTKL (TỶ): 10,769	GTKL (TỶ): 6,277	GTKL (TỶ): 651	GTKL (TỶ): 258
SO TB20: -8.7%	SO TB20: +0.5%	SO TB20: -1.6%	SO TB20: -33.8%
NN (TỶ): -841.0	NN (TỶ): -736.1	NN (TỶ): -46.5	NN (TỶ): -7.1

Nhận định thị trường

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index giảm điểm ngay từ đầu phiên sáng, lùi về ngưỡng 1.686 điểm trước khi lực cầu bắt đáy giúp chỉ số phục hồi về gần mức tham chiếu. Kết phiên, VN-Index đóng cửa tại 1.688,79 điểm, gần như không thay đổi so với phiên trước. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 13/18 ngành giảm điểm, trong đó Hàng & Dịch vụ công nghiệp dẫn đầu đà giảm, theo sau là Công nghệ thông tin và Truyền thông. Ở chiều ngược lại, các ngành Du lịch & Giải trí, Dầu khí, Bất động sản, Tiện ích và Dịch vụ tài chính tăng điểm nhưng mức tăng đều dưới 1%. Khối ngoại bán ròng trên cả ba sàn HSX, HNX và UPCOM. Về kỹ thuật, VN-Index đã phá vỡ cạnh dưới của mô hình tam giác cân. Diễn biến đường giá cùng các chỉ báo MACD và RSI cho thấy động lực ngắn hạn của chỉ số vẫn yếu. VN-Index có thể tiếp tục giằng co trong xu hướng giảm và lùi về kiểm tra vùng hỗ trợ quanh 1.650 điểm.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL VN30 đều giảm theo chỉ số VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch 20/11/2026, phần lớn các chứng quyền giảm.

Điểm nhấn

- VN-Index **-0.83** điểm, đóng cửa tại 1,688.79 điểm. HNX-Index **-4.35** điểm, đóng cửa tại 234.59 điểm. UPCoM-Index **-1.22** điểm, đóng cửa tại 119.14 điểm.
- Kéo chỉ số tăng: VIC (**+3.08**), TCB (**+0.91**), STB (**+0.72**), GAS (**+0.61**), VPL (**+0.60**).
- Kéo chỉ số giảm: VCB (**-1.03**), MBB (**-0.92**), VPB (**-0.81**), BID (**-0.80**), ACB (**-0.53**).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 10,769 tỷ đồng, tăng 15.17% so với phiên trước và thấp hơn 8.7% so với trung bình 20 phiên. Tổng giá trị giao dịch đạt 16,022 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 22.4 điểm. Sàn HOSE có 96 mã tăng (4 mã trần), 95 mã tham chiếu, 216 mã giảm (6 mã sàn).
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-840.98** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm FPT (**-157.01** tỷ), ACB (**-145.91** tỷ), HDB (**-103.90** tỷ), MBB (**-57.42** tỷ), SHB (**-49.90** tỷ). Đây là phiên bán ròng thứ 4 liên tiếp; luỹ kế từ đầu năm khối ngoại bán ròng **-126,875** tỷ đồng trên HOSE.
- Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-46.49** tỷ đồng và bán ròng trên sàn UPCoM với giá trị **-7.08** tỷ đồng.

Giao dịch khối ngoại

CẢ 3 SÀN

TOP MUA	TỶ VND	TOP BÁN	TỶ VND
POW	152.07	FPT	-157.01
TCH	34.96	ACB	-145.91
MSN	24.78	HDB	-103.90
TCX	19.32	MBB	-57.42
TCB	15.82	SHB	-49.90

HOSE luỹ kế năm: **-126,875** tỷ 4 phiên bán ròng liên tiếp

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

	ĐIỂM	%D	%W
SPX	7,176	-2.02%	-5.49%
FTSE100	10,453	-0.93%	-3.78%
Eurostoxx	6,114	-0.66%	-4.46%
Shanghai	3,534	-1.22%	-2.77%
Nikkei	56,437	-5.06%	-7.70%

Nguồn: Yahoo Finance, BSC tổng hợp

Liên thị trường

	GIÁ TRỊ	%D	%W
Giá dầu Brent	91.08	-0.98%	-4.97%
Giá vàng	3,584	-1.14%	-7.73%
USD/VND	25,777	+0.11%	+0.27%
EUR/VND	28,310	+0.26%	-0.07%
JPY/VND	162	+0.53%	+0.72%
VN LS TPCP 10Y	4.46%	0 bps	-0.5 bps
VN LS LNH 1M	5.81%	+31.2 bps	+1.2 bps

Nguồn: Bloomberg, BSC tổng hợp. Lãi suất: thay đổi theo điểm cơ bản.

Mở tài khoản tại BSC

Quét mã QR để mở tài khoản chứng khoán trực tuyến.

Mục lục

Tổng quan 1
Thống kê thị trường 2
Biểu đồ & dòng tiền 3
Danh mục BSC30 4
Danh mục BSC50 5
Báo cáo gần đây 6
Khuyến cáo sử dụng 7

Thống kê thị trường

Top 5 tác động tăng VN-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
VIC	241.90	+0.79%	+3.08	1.02
TCB	21.20	+2.91%	+0.91	20.20
STB	70.80	+2.61%	+0.72	11.31
GAS	70.50	+1.73%	+0.61	1.22
VPL	96.00	+1.59%	+0.60	0.49

Top 5 tác động giảm VN-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
VCB	50.20	-1.18%	-1.03	4.08
MBB	18.25	-2.41%	-0.92	17.37
VPB	20.50	-1.91%	-0.81	17.71
BID	30.05	-1.64%	-0.80	3.95
ACB	19.60	-2.24%	-0.53	18.35

Top 5 tác động tăng HNX-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
BAB	10.10	+1.00%	+0.07	0.00
PVS	26.70	+0.38%	+0.04	3.01
IPA	12.00	+1.69%	+0.03	0.04
VGS	19.20	+3.23%	+0.02	0.25
LHC	49.00	+2.51%	+0.02	0.08

Top 5 tác động giảm HNX-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
THD	62.10	-9.87%	-1.35	0.04
NVB	14.60	-2.01%	-0.49	0.40
KSF	67.00	-0.74%	-0.25	0.07
DTK	9.80	-4.85%	-0.19	0.00
CEO	11.50	-2.54%	-0.10	11.90

Top 5 tác động tăng VN30

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
STB	70.80	+2.61%	+2.51	11.31
VIC	241.90	+0.79%	+1.83	1.02
TCB	21.20	+2.91%	+1.82	20.20
SSI	20.00	+2.30%	+0.61	26.17
VNM	51.40	+0.59%	+0.45	2.28

Top 5 tác động giảm VN30

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
FPT	45.00	-1.53%	-1.76	16.62
ACB	19.60	-2.24%	-1.64	18.35
MBB	18.25	-2.41%	-1.34	17.37
VPB	20.50	-1.91%	-1.30	17.71
HDB	21.80	-1.58%	-1.05	27.55

Top 5 tăng mạnh nhất HOSE

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
NVT	7.66	+6.98%	0.00
COM	30.00	+6.95%	0.00
TNC	30.85	+6.93%	0.00
SPM	8.20	+6.91%	0.00
SVD	4.53	+6.84%	0.00

Top 5 giảm mạnh nhất HOSE

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
HIO	8.37	-7.00%	0.05
YBM	8.78	-6.99%	0.00
BKG	1.60	-6.98%	0.68
DCL	35.45	-6.96%	0.01
TMS	31.00	-6.91%	0.00

Top 5 tăng mạnh nhất HNX

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
DC2	4.50	+9.76%	0.00
KSD	5.70	+9.62%	0.00
MKV	9.60	+9.09%	0.00
ONE	9.80	+8.89%	0.00
DS3	3.90	+8.33%	0.00

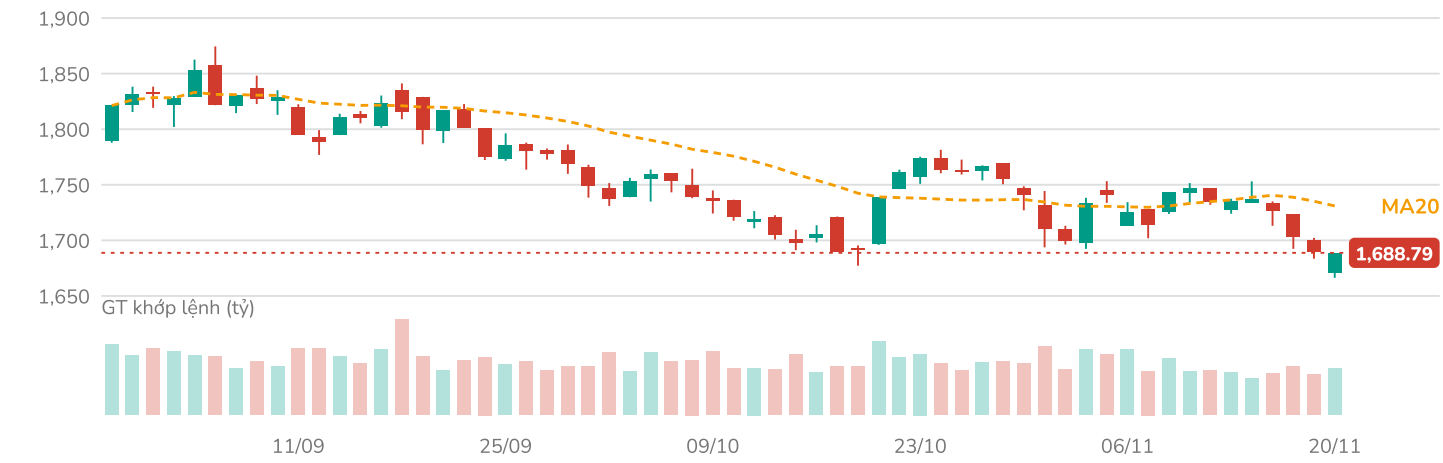
Top 5 giảm mạnh nhất HNX

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
KDM	17.30	-9.90%	0.17
THD	62.10	-9.87%	0.04
MAC	13.70	-9.87%	0.01
HJS	25.20	-9.68%	0.00
DAD	14.00	-9.68%	0.00

Nguồn: FiinPro-X, Bloomberg, BSC tổng hợp; điểm đóng góp theo Bloomberg (MOV). Giá: nghìn VND.
Top tăng/giảm mạnh nhất chỉ xét các mã có giao dịch trong phiên.
Index pt: số điểm mà từng cổ phiếu đóng góp vào mức tăng/giảm của chỉ số trong phiên (dương là kéo chỉ số tăng, âm là kéo giảm).

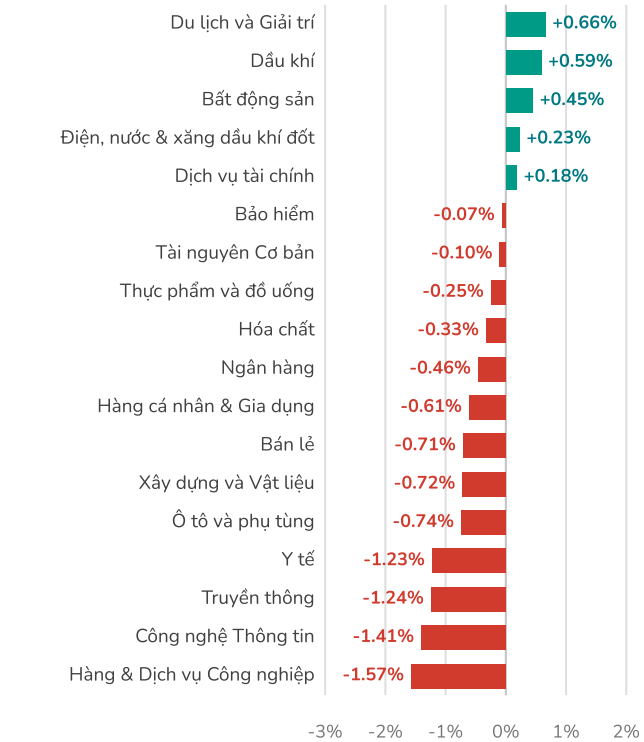
Biểu đồ & dòng tiền

VN-Index 60 phiên



MA20 = 1,730.89 TB20 GT khớp lệnh: 11,800 tỷ

Diễn biến ngành cấp 2



Dòng tiền theo ngành & nhóm vốn hoá

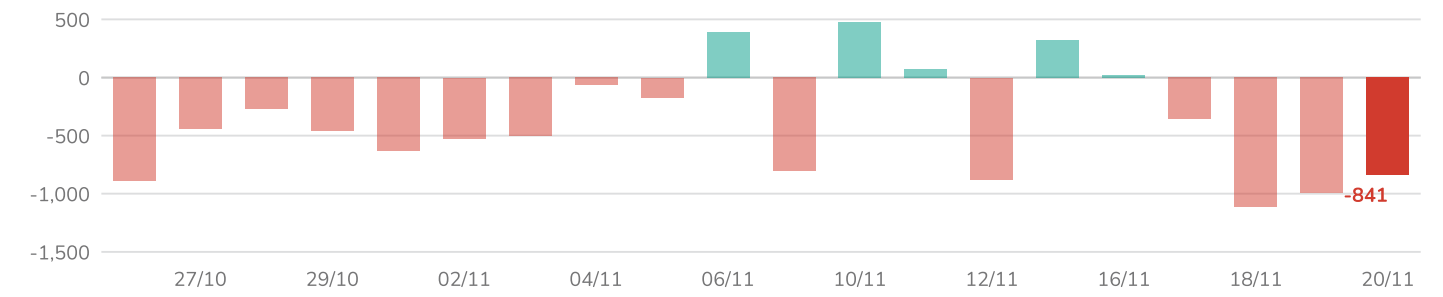
Bảng 1 · Theo ngành Top 10 theo giá trị khối ngoại ròng · tỷ VND

NGÀNH	%1D	GTGD	NN RÒNG
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	+0.23%	492	172.1
Thực phẩm và đồ uống	-0.25%	794	17.6
Hóa chất	-0.33%	151	15.0
Bán lẻ	-0.71%	369	-29.3
Bất động sản	+0.45%	1,838	-43.6
Dầu khí	+0.59%	329	-44.6
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-1.57%	546	-76.2
Dịch vụ tài chính	+0.18%	2,253	-114.9
Công nghệ Thông tin	-1.41%	756	-158.6
Ngân hàng	-0.46%	6,895	-562.5

Bảng 2 · Theo nhóm vốn hoá VN30 · VNMID · VNSML · tỷ VND

NHÓM VỐN HOÁ	%1D	GTGD	NN RÒNG
VN30	-0.09%	9,720	-736.1
VNMID	-0.65%	5,414	-68.0
VNSML	-0.56%	452	-18.5

Khối ngoại ròng HOSE 20 phiên (tỷ VND)



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Danh mục BSC30

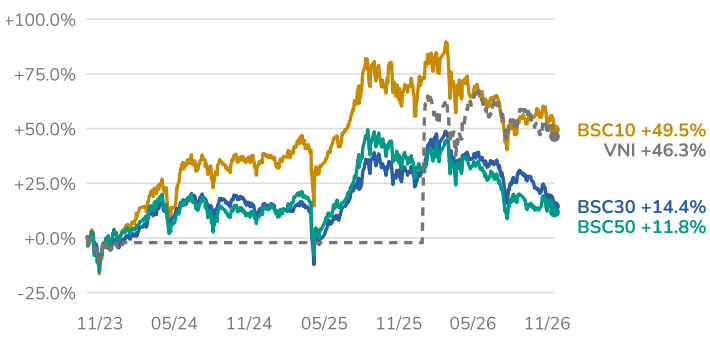
Diễn biến BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.50%**. Các mã diễn biến tích cực: TCB (+2.91%), STB (+2.61%), SSI (+2.30%).
- BSC50 **-0.47%**. Các mã diễn biến tích cực: TCH (+4.91%), PVD (+3.51%), HDC (+2.80%).

HIỆU SUẤT	BSC30	BSC50	VN-INDEX	VN30
1 ngày	-0.50%	-0.47%	-0.05%	-0.09%
1 tuần	-3.59%	-3.95%	-2.66%	-3.15%
1 tháng	-6.67%	-5.69%	-4.81%	-6.31%
3 tháng	-7.14%	-6.96%	-4.49%	-7.31%

Nguồn: BSC, FiinPro-X.

Hiệu suất tích luỹ



Nguồn: BSC, FiinPro-X.

MÃ	NGÀNH	GIÁ	%NGÀY	BETA	VỐN HOÁ	GTGD	EPS	P/E	GIÁ MT	NN SH	BC
MWG	Bán lẻ	71.7	-0.55%	1.0	105,807	270.7	7,556	9.5	113.0	49.0%	Link
KBC	Bất động sản	26.4	-0.19%	0.9	24,862	48.1	1,859	14.2	42.4	6.0%	Link
KDH	Bất động sản	15.4	-2.53%	0.9	19,178	178.7	1,374	11.2	39.9	24.1%	Link
PDR	Bất động sản	11.2	-1.33%	1.1	11,126	50.4	540	20.6	28.2	6.9%	Link
VHM	Bất động sản	60.4	0.00%	1.7	496,175	395.8	12,039	5.0	132.6	6.3%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	45.0	-1.53%	0.7	84,858	749.9	5,479	8.2	124.4	25.2%	Link
BSR	Dầu khí	23.6	+0.43%	–	118,172	197.5	5,584	4.2	–	1.4%	Link
PVS	Dầu khí	26.7	+0.38%	0.8	16,386	81.0	3,417	7.8	52.3	14.6%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	23.0	0.00%	0.8	31,555	66.7	1,053	21.8	–	34.4%	Link
SSI	Dịch vụ tài chính	20.0	+2.30%	1.0	60,010	510.8	1,554	12.9	–	29.7%	Link
VCI	Dịch vụ tài chính	18.7	-1.06%	0.8	21,547	131.7	1,249	15.0	–	14.2%	Link
DCM	Hóa chất	30.4	+0.83%	0.8	16,094	63.2	5,132	5.9	53.3	7.1%	Link
DGC	Hóa chất	31.0	-1.12%	1.0	11,773	8.8	4,883	6.3	96.7	2.6%	Link
ACB	Ngân hàng	19.6	-2.24%	0.6	113,767	358.6	2,773	7.1	27.1	21.9%	Link
BID	Ngân hàng	30.1	-1.64%	0.9	233,736	118.9	4,524	6.6	–	17.2%	Link
CTG	Ngân hàng	30.1	+0.33%	0.9	233,785	230.5	5,479	5.5	53.5	24.6%	Link
HDB	Ngân hàng	21.8	-1.58%	0.9	141,850	595.8	2,932	7.4	32.7	19.3%	Link
MBB	Ngân hàng	18.2	-2.41%	0.9	183,755	316.4	3,507	5.2	32.4	21.9%	Link
MSB	Ngân hàng	16.6	0.00%	0.8	61,963	562.4	1,673	9.9	14.0	5.8%	Link
STB	Ngân hàng	70.8	+2.61%	0.7	133,473	761.6	809	87.5	–	10.0%	Link
TCB	Ngân hàng	21.2	+2.91%	1.0	225,342	408.2	2,694	7.9	43.5	20.8%	Link
TPB	Ngân hàng	12.3	0.00%	1.0	39,398	111.0	2,649	4.7	–	21.9%	Link
VCB	Ngân hàng	50.2	-1.18%	0.8	419,455	205.2	4,986	10.1	–	19.7%	Link
VIB	Ngân hàng	13.3	-1.11%	0.7	49,867	81.0	2,070	6.5	23.0	4.1%	Link
VPB	Ngân hàng	20.5	-1.91%	1.0	205,000	362.2	3,118	6.6	36.5	22.2%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	16.3	-2.69%	0.8	7,026	47.4	2,348	6.9	28.8	1.4%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	69.9	-0.29%	0.9	102,080	266.1	6,243	11.2	100.4	25.3%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	51.4	+0.59%	0.5	107,424	117.2	5,455	9.4	78.0	49.7%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	20.4	0.00%	0.8	172,659	350.0	3,251	6.3	32.2	21.9%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	10.2	-1.93%	0.8	8,194	31.6	772	13.2	14.3	3.2%	Link

Giá, giá mục tiêu: nghìn VND. Vốn hoá, GTGD: tỷ VND. NN SH: tỷ lệ sở hữu nước ngoài. Nguồn: FiinPro-X, BSC. 30 mã.

Danh mục BSC30 gồm 30 công ty có vốn hoá và thanh khoản lớn nhất trên HOSE, HNX và UPCoM, được các chuyên gia BSC chọn lọc theo tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt. Danh mục được BSC công bố định kỳ hàng quý.

Danh mục BSC50

MÃ	NGÀNH	GIÁ	%NGÀY	BETA	VỐN HOÁ	GTGD	EPS	P/E	NN SH	ROE	BC
DGW	Bán lẻ	39.0	-2.62%	0.9	8,700	28.3	4,269	9.1	28.8%	26.7%	Link
FRT	Bán lẻ	148.0	-0.94%	0.8	26,465	50.1	7,598	19.5	34.0%	29.1%	Link
BVH	Bảo hiểm	58.0	+0.17%	0.9	43,055	19.6	4,560	12.7	27.6%	13.3%	Link
DIG	Bất động sản	10.0	-0.99%	1.0	8,442	64.6	776	12.9	3.1%	6.3%	Link
DXG	Bất động sản	10.9	-1.35%	0.9	13,886	112.1	92	119.5	15.7%	0.8%	Link
HDC	Bất động sản	12.8	+2.80%	1.0	2,952	43.0	690	18.6	1.3%	6.6%	Link
IDC	Bất động sản	34.2	0.00%	0.8	14,277	29.0	4,365	7.8	15.2%	26.8%	Link
NLG	Bất động sản	23.2	0.00%	0.9	11,254	26.6	1,026	22.6	35.0%	3.8%	Link
SIP	Bất động sản	43.0	-1.71%	0.8	10,411	9.1	5,778	7.4	2.2%	27.1%	Link
SZC	Bất động sản	19.1	-0.26%	0.9	3,429	10.8	891	21.4	1.2%	5.1%	Link
TCH	Bất động sản	13.9	+4.91%	1.0	13,946	209.6	793	17.5	10.2%	6.8%	Link
VIC	Bất động sản	241.9	+0.79%	1.9	1,877,673	243.4	5,557	43.5	3.0%	26.1%	Link
VRE	Bất động sản	23.5	0.00%	1.5	53,399	74.1	3,255	7.2	10.8%	14.9%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	16.2	-1.22%	0.9	3,773	4.0	1,687	9.6	35.1%	11.9%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	137.3	+0.07%	0.7	105,596	215.4	2,866	47.9	5.3%	8.5%	Link
PLX	Dầu khí	30.9	0.00%	0.8	40,046	28.2	3,022	10.2	14.4%	14.6%	Link
PVD	Dầu khí	16.2	+3.51%	0.6	15,029	103.5	976	16.6	8.0%	5.3%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	18.1	-0.82%	1.1	6,914	15.5	1,054	17.2	24.6%	9.0%	Link
MBS	Dịch vụ tài chính	15.5	0.00%	1.0	15,514	54.2	1,562	9.9	0.4%	12.3%	Link
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	20.0	-1.23%	1.2	26,169	159.2	762	26.2	5.3%	5.2%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	50.0	-2.34%	0.8	32,467	148.1	4,184	11.9	37.3%	19.7%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	45.7	-1.30%	0.6	8,767	8.8	6,594	6.9	3.5%	25.9%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	18.6	+0.81%	0.8	9,641	60.7	2,977	6.3	15.3%	16.6%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	40.5	-2.64%	0.7	8,186	23.4	2,174	18.6	3.9%	18.0%	Link
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	13.5	-2.17%	1.0	6,908	70.3	3,302	4.1	23.7%	12.4%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	14.8	-1.00%	0.8	1,741	15.5	1,741	8.5	48.0%	8.4%	Link
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	16.6	-1.19%	0.8	2,137	5.8	3,692	4.5	22.2%	23.6%	Link
DPM	Hóa chất	18.4	-0.81%	0.7	12,511	24.6	2,320	7.9	3.1%	13.8%	Link
GVR	Hóa chất	27.3	-0.36%	1.1	109,200	26.2	2,111	12.9	0.5%	14.1%	Link
EIB	Ngân hàng	15.8	-0.32%	1.1	29,338	76.3	103	153.5	0.8%	0.7%	Link
LPB	Ngân hàng	34.2	+0.15%	0.7	102,314	2,218.9	4,048	8.5	1.4%	26.0%	Link
NAB	Ngân hàng	13.0	+0.78%	0.5	28,065	32.6	2,365	5.5	1.0%	19.3%	Link
OCB	Ngân hàng	10.6	+0.47%	0.7	32,463	27.9	1,482	7.2	18.8%	12.8%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	15.8	-2.78%	1.1	4,194	12.5	2,961	5.3	1.6%	20.8%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	30.8	-0.48%	0.6	12,699	80.0	251	122.5	3.2%	2.2%	Link
SAB	Thực phẩm và đồ uống	42.5	-0.70%	0.6	54,445	15.2	3,623	11.7	58.8%	22.2%	Link
VHC	Thực phẩm và đồ uống	50.5	-1.37%	0.7	10,577	10.8	5,503	9.2	17.4%	12.8%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	12.2	-1.22%	0.8	5,982	34.1	494	24.6	5.6%	3.2%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	128.5	+0.39%	0.4	10,519	3.6	15,292	8.4	81.7%	41.4%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	72.8	+0.28%	0.9	8,141	54.4	7,145	10.2	48.9%	8.3%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	58.0	+1.22%	0.8	7,430	20.3	5,223	11.1	5.2%	30.5%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	32.2	0.00%	0.9	3,819	13.2	3,735	8.6	18.4%	15.0%	Link
HHV	Xây dựng và Vật liệu	9.2	-1.08%	0.8	5,280	25.3	1,241	7.4	10.3%	6.1%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	16.2	-1.82%	0.5	7,662	11.9	2,352	6.9	8.1%	16.6%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	14.5	-2.03%	0.7	10,124	52.5	1,607	9.0	1.9%	9.7%	Link
VGC	Xây dựng và Vật liệu	38.1	+0.13%	0.9	17,105	8.6	4,003	9.5	0.8%	20.6%	Link
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	70.5	+1.73%	0.9	170,113	85.1	6,110	11.5	2.1%	21.2%	Link
HDG	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	16.1	-3.30%	0.9	6,552	40.1	1,999	8.1	15.8%	11.7%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	13.3	-1.85%	0.8	40,802	300.8	2,353	5.7	4.9%	17.9%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	46.5	-1.59%	0.5	29,019	24.8	4,420	10.5	49.0%	12.8%	Link

Giá, giá mục tiêu: nghìn VND. Vốn hoá, GTGD: tỷ VND. NN SH: tỷ lệ sở hữu nước ngoài. Nguồn: FiinPro-X, BSC. 50 mã.

Danh sách các báo cáo BSC đã phát hành gần đây

STT	TÊN BÁO CÁO	PHÂN TÍCH VĨ MÔ	PHÂN TÍCH NGÀNH	LINK BÁO CÁO
1	BSC Navigator | 11.2026: Cập nhật thông tin liên quan hoạt động cổ phần hóa thoái vốn DNNN giai đoạn 2026-2030	x		Xem
2	BSC Navigator | 10.2026: Hướng tới mục tiêu tăng trưởng GDP hơn 12% trong quý 4/2026	x		Xem
3	BSC Navigator | T09.2026: Việt Nam – Định hướng điều hành cuối năm	x		Xem
4	BSC Navigator | T08.2026: Việt Nam nằm trong 3 cuộc điều tra Section 301 năm 2026	x		Xem
5	BSC Insight | Market Waves – Hoạt động cổ phần hóa, thoái vốn Doanh nghiệp Nhà nước (Kỳ 4)	x		Xem
6	BSC Insight | Outlook H2/2026: Thích ứng nhanh chóng & Nắm bắt cơ hội	x		Xem
7	BSC Navigator | T07.2026: Cập nhật kỳ đánh giá phân loại thị trường của MSCI tháng 06/2026	x		Xem
8	BSC Navigator | T06.2026: Đánh giá tình hình nhập siêu 5T2026 của Việt Nam	x		Xem
9	BSC Navigator | T05.2026: Cập nhật thay đổi tài liệu FAQ v1.2 của FTSE	x		Xem
10	BSC Navigator | T04.2026: FTSE Russell xác nhận lộ trình nâng hạng TTCK Việt Nam	x		Xem
11	BSC Insight | FTSE Russell chính thức thông báo nâng hạng TTCK Việt Nam (Kỳ 4)	x		Xem
12	BSC Navigator | 2026: Cập nhật dự báo Vĩ mô – Thị trường trong bối cảnh căng thẳng leo thang tại Trung Đông	x		Xem
13	Equity 360 | BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC Q2.2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Xem
14	BSC Insight | Căng thẳng Hoa Kỳ - Israel và Iran	x		Xem
15	BSC Navigator | T03.2026: Căng thẳng Hoa Kỳ, Israel - Iran	x		Xem
16	BSC Navigator | T02.2026: Thí điểm sàn giao dịch carbon	x		Xem
17	BSC Navigator | 2026: Đường dài mới biết ngựa hay	x		Xem
18	Equity 360 | BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC 2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Xem
19	BSC Navigator | T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Xem
20	BSC Navigator | T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Xem
21	BSC Navigator | T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Xem
22	BSC Insight | Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Xem
23	BSC Navigator | T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Xem
24	BSC Navigator | T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Xem

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2026 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu - Quyền phụ trách
Buupq@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Nguyễn Thị Cẩm Tú
Trưởng nhóm
Ngành - Doanh nghiệp
Tuntc@bsc.com.vn

Đặng Trung
Trưởng nhóm
Định lượng
Trungd@bsc.com.vn

NHÓM VĨ MÔ THỊ TRƯỜNG

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 LPB Tower
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn

Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660 Khu vực miền Nam: (028) 38218 889 Website: http://www.bsc.com.vn